

## THÔNG BÁO LUỒNG

### Thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia tháng 2/2017 tại tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải qui định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 651/BC-SGTVT ngày 12/3 năm 2017 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc Báo cáo luồng đường thủy nội địa quốc gia tháng 2/2017.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo thường xuyên luồng đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

#### 1. Tình hình mực nước

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 08 tuyến đường thủy nội địa quốc gia được Bộ GTVT, Cục ĐTNĐ Việt Nam ủy quyền cho Sở GTVT thực hiện công tác quản lý, bảo trì, gồm các tuyến: Kênh Nga, Kênh De, Kênh Choán, Sông Tào, Sông lèn, Sông Mã, Sông Bưởi và tuyến Lạch Bạng-Đảo Mê (Phụ lục 01 kèm theo).

#### 2. Tình hình luồng

Trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 44 vật chướng ngại các loại (cầu, đường dây điện...) vượt qua 07 tuyến (Phụ lục 02 kèm theo).

#### 3. Bãi cạn

Trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 18 bãi cạn các loại nằm trên 06 tuyến (Phụ lục 03 kèm theo).

#### 4. Một số điều lưu ý

- Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố Thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tháng 2/2017 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết./. ☺

#### Nơi nhận:

- Các đơn vị vận tải;
- Sở GTVT Thanh Hóa;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Văn Thọ**

**PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH MỨC NƯỚC TUYẾN ĐTND QUỐC GIA, ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm theo Văn bản số 348 /CDTND-QLKCHT ngày 17/3/2017)

TT	Sông	Trạm chính	Mức nước lớn nhất trong tuần (Hmax)		Mức nước nhỏ nhất trong tuần (Hmin)	
			Mức nước	Thời gian	Mức nước	Thời gian
1	Kênh Nga	Báo Văn	+1.86	5h ngày 11/2	-0.34	19h ngày 24/2
2	Sông Mã	Hàm Rồng	+1.20	5h ngày 11/2	-1.25	20h ngày 12/2
3	Sông lèn	Đò Lèn, Lạch Sung	+2.20	2h ngày 23/2	-0.34	20h ngày 9/2
4	Sông Bưởi	Kiều	+4.20	7h ngày 27/2	4.00	7h ngày 13/2
5	Sông Tào	Tào Xuyên	+1.50	2h ngày 23/2	-1.15	20h ngày 10/2
6	Lạch Bạng - Đảo Mê	Lạch Bạng	+1.30	1h ngày 23/2	-1.05	18h ngày 10/02
7	Kênh De	Lạch Sung	+2.15	5h ngày 10/2	-0.20	19h ngày 9/2
8	Kênh Choán	Tào Xuyên	+1.55	1h ngày 23/2	-1.10	18h ngày 11/2

2



**PHỤ LỤC 3: CÁC BÃI CẠN TRÊN CÁC TUYẾN ĐTNĐ QUỐC GIA TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Văn bản số /CĐTNĐ-QLKCHT ngày tháng 3 năm 2017)

TT	Sông	Tên bãi cạn trọng điểm - Lý trình	Độ sâu (h)	Mức nước (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo
1		Bãi cạn Nga Lĩnh, km 26+400 đến km26+650	3.85	+1.25	-2.6	3,5	250	20-Thg2
2		Bãi cạn Hà Hải, km23+500 đến km23+850	3.95	+1.25	-2.7	3	350	20-Thg2
3		Bãi cạn Nga Thăng, km22+100 đến km22+350	4.00	+1.50	-2.5	2,5	250	20-Thg2
4	Kênh Nga	Bãi cạn Hà Thanh, km17+00 đến km17+150	3.85	+1.45	-2.4	2,5	150	20-Thg2
5		Bãi cạn Nga Vịnh, km14+900 đến km15+050	3.60	+1.20	-2.4	2,5	150	20-Thg2
6		Bãi cạn Hà Châu, km18+900 đến km19+120	4.20	+1.60	-2.6	3	220	20-Thg2
7		Bãi cạn Nga Điền, km0+500 đến km0+600	3.65	+1.65	-2.0	6	100	20-Thg2
8		Bãi cạn Định Công 35+400-35+700	4.86	+2.81	-2.05	29	400	05-Thg2
9		Bãi cạn Hoàng Phụng	4.15	+2.10	-2.05	33	800	12-Thg2
10	S.Mã	Bãi cạn Hoàng Khánh	3.53	+1.90	-1.63	32	400	12-Thg2
11		Bãi cạn Thiệu Quang km 33-33+500	4,3	+2.37	-1.93	35	110	03-Thg2
12		Bãi cạn Định Tiến	4.09	+ 2.29	-1.80	32	120	18-Thg2
13		Bãi cạn Định Công 35+400-35+700	4.86	+2.81	-2.05	29	400	05-Thg2
14		Bãi cạn km 4+00 đến 4+500	3.00	+1.30	-1.70	30	500	20-Thg2
15	S.Lèn	Bãi cạn km50+00 đến km51+00	3.5	+1.90	-1.6	9	1000	21-Thg2
16	S.Bưởi	Bãi cạn Vĩnh Long	1.02	+4.16	-3.14	32	240	09-Thg2
17	K.Choán	Bãi cạn Hoàng Hà km9+100 đến km9+300	2.75	+1.25	-1.5m	8	200	18-Thg2
18	Lạch Bạng - Đảo Mê	Bãi cạn hải Thanh từ km1+00-km2+80	2.05	-1.15	-3.20	60	1080	21-Thg2